

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:44/2024/HS-ST
Ngày 30-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O và bà Vũ Thị T1.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T2 - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn V, sinh ngày: 16/11/1995; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T3, xã N, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Thanh T4 (Đã chết) và con bà: Trần Thị D, sinh năm: 1958. Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2024. Hiện bị cáo tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải T5
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H
Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải T5 là ông Hoàng Văn T6, sinh năm 1976- chức vụ Giám đốc.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn T7, xã L, huyện T8, tỉnh H3
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn C, xã Đ2, huyện K, tỉnh H.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn Đ3, sinh năm 1988
Trú tại: Thôn T7, xã L, huyện T8, tỉnh H3
2. Anh Nguyễn Hải T9, sinh năm 1986
Trú tại: số E, hẻm F, X, phường Q, quận T10, thành phố H4.
Tại phiên toà bị hại, người làm chứng vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn V, sinh năm: 1995 ở thôn T3, xã N, huyện K chuẩn bị 01 chiếc cà lê số 14 bằng kim loại có kích thước dài khoảng 16 cm để đi trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ ngày 09/01/2024, sau khi hết giờ làm việc tại Công ty cám X1 có địa chỉ tại xã M, huyện Y, tỉnh H, V điều khiển xe mô tô biển số 29X6 – 6753 đi trên quốc lộ 39A theo hướng từ huyện Y về huyện K. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc thôn Y1, xã D, huyện K, V phát hiện thấy chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 89C - 067.41 kéo theo sơ mi rơ moóc biển số 90R – 010.44 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải T5 (gọi tắt là Công ty Thành Phát LPT), địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K đang dừng đỗ ở ven đường quốc lộ 39A. Quan sát thấy chiếc xe ô tô tắt đèn, xung quanh không có ai nên V nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy của chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 89C – 067.41 bán lấy tiền tiêu xài. V điều khiển xe mô tô đi về phía sau chiếc xe ô tô đầu kéo rồi dừng lại. Quan sát thấy có 01 sợi dây xích bằng kim loại cố định giữa 02 chiếc bình ắc quy nên V dùng tay gạt sợi dây xích ra. Tiếp đó, V dùng chiếc cà lê đã chuẩn bị trước tháo ốc vít được bắt cố định vào thanh sắt nằm ngang 02 bình ắc quy. Sau khi tháo xong, V dùng tay nâng thanh sắt ra khỏi vị trí ban đầu thì chạm vào dây dẫn điện của bình ắc quy khiến đèn xe ô tô sáng. Lúc này anh Phạm Văn Đ3, sinh năm: 1988 ở Thôn T7, xã L, huyện T8, tỉnh H3 là lái xe của Công ty Thành Phát LPT đang ngủ trên xe ô tô, phát hiện V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên truy hô mọi người bắt giữ V và bàn giao cho Công an xã D. Đến ngày 16/01/2024, Công an xã D đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

+ Vật chứng thu giữ gồm:

Ngày 9/01/2024, Công an xã D đã quản lý 02 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu GS; 01 chiếc xe mô tô biển số 29X6 – 6753; 01 chiếc cà lê bằng kim loại màu xám, dài khoảng 16cm.

Ngày 17/01/2024, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K định giá đối với 02 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu GS. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện K kết luận: Trị giá 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, model GS – 150, điện áp 12V, dung lượng 150Ah, màu trắng có nắp màu xanh có kích thước (50x22x21)cm, loại ắc quy nước. Sản xuất năm 2023 và đưa vào sử dụng tháng 3 năm 2023 (sản xuất tại V Nam).

Hiện nay vẫn đang sử dụng bình thường, tại thời điểm định giá là 2.833.000 đồng.

+ **Về xử lý vật chứng:** Đối với 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS được xác định là tài sản hợp pháp của Công ty Thành Phát LPT. Ngày 28/02/2024, cơ quan điều tra đã trả lại cho người Đ1 diện của Công ty Thành Phát LPT là anh Phạm Văn Đ1, sinh năm: 1986 ở xã L, huyện T8, tỉnh H3.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 29X6 - 6753, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị Thanh N1 (là chị gái V), sinh năm 1992 ở Thôn C, xã Đ1 Tập, huyện K. Chị N1 không biết việc V dùng xe mô tô làm phương tiện để trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị N1 là chủ sở hữu.

- Đối với chiếc cờ lê kim loại màu xám, dài khoảng 16cm là công cụ phạm tội, cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSKC ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và gia đình bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì.

- Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án ngày 30/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc cà lê bằng kim loại màu xám, dài khoảng 16cm.

Về trách nhiệm dân sự, không đặt ra giải quyết;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt là cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt Đ1 diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, xét thấy, Tòa án đã triệu tập, tổng Đ3 hợp lệ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, tại đoạn đường Quốc lộ 39A thuộc địa phận thôn Y1, xã D, huyện K, Nguyễn Văn V đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 chiếc bình ắc quy trên xe ô tô đầu kéo biển số 89C – 067.41, trị giá 2.833.000 đồng của Công ty Thành Phát LPT. Như vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo theo tội danh trong bản cáo trạng số 53/CT-VKSKC ngày 13/5/2024 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cá nhân đã cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về vai trò: Vụ án này không có đồng phạm, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò độc lập trong vụ án, không có người giúp sức, xúi giục hay tham gia cùng thực hiện hành vi phạm tội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại.

Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Thanh T4 được tặng thưởng huân huy chương hạng nhì, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo V có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, tính chất, mức độ hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại và gia đình bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng khoản 1,2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung trong toàn xã hội. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, tài sản do bị cáo trộm cắp là 02 chiếc bình ắc quy trên xe ô tô đầu kéo biển số 89C – 067.41. Cơ quan điều tra đã thu và trả lại toàn bộ số tài sản trên cho bị hại; Đ1 diện của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Đối với 02 chiếc bình ắc quy trên xe ô tô đầu kéo biển số 89C – 067.41 là tài sản của Công ty Thành Phát LPT. Ngày 28/02/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người Đ1 diện của Công ty Thành Phát LPT là anh Phạm Văn Đ1, sinh năm: 1986 ở xã L, huyện T8, tỉnh H3 và anh Đ1 không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Đối với 01 chiếc cà lê bằng kim loại màu xám, dài khoảng 16cm đây là công cụ bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, giá trị không đáng kể nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 29X6 - 6753, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị Thanh N1 (là chị gái V), sinh năm 1992 ở Thôn C, xã Đ1 Tập, huyện K. Chị N1 không biết việc V dùng xe mô tô làm phương tiện để trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị N1 là chủ sở hữu và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57, khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/5/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho UBND xã N, huyện K, tỉnh H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp Nguyễn Văn V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc cà lê bằng kim loại màu xám, dài khoảng 16cm

(Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 39/QĐ-VKS-KC ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/05/2024 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh H;
- VKS, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Ngọc T**